



Doanh nghiệp: HOA SEN GROUP

Mã chứng khoán: HSG

Địa chỉ: Số 9 Đại Lộ Thống Nhất - KCN Sóng Thần II - TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 3 7 0 0 3 8 1 3 2 4

Tel: 0283.9990111

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NIÊN ĐỘ 2024 - 2025

Từ 01-07-2025 đến 30-09-2025

(Báo cáo hợp nhất)

Bảng cân đối kế toán

Kết quả hoạt động kinh doanh

Lưu chuyển tiền tệ

Thuyết minh báo cáo tài chính

: Mẫu số B01 - DN

: Mẫu số B02 - DN

: Mẫu số B03 - DN

: Mẫu số B09 - DN

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý IV Niên độ 2024 - 2025

Từ 01-07-2025 đến 30-09-2025

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Dvt: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ (30/09/2025)	Số đầu kỳ (01/10/2024)
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		11.705.883.624.025	14.174.354.519.923
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	427.830.965.127	602.071.799.277
1	Tiền	111		410.219.814.697	597.436.771.510
2	Các khoản tương đương tiền	112		17.611.150.430	4.635.027.767
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		81.176.635.011	30.636.010.069
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	12(a)	81.176.635.011	30.636.010.069
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.189.035.143.856	2.985.396.517.329
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	1.603.418.011.169	2.272.400.526.277
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6(a)	509.359.793.355	626.072.378.471
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6	Các khoản phải thu khác	136	7(a)	76.814.718.259	87.496.782.857
7	DP các khoản phải thu khó đòi (*)	137		(557.378.927)	(573.170.276)
IV	Hàng tồn kho	140	8	8.198.760.761.972	9.712.417.100.426
1	Hàng tồn kho	141		8.348.564.039.222	10.028.722.114.986
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(149.803.277.250)	(316.305.014.560)
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		809.080.118.059	843.833.092.822
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	177.204.193.582	154.842.917.113
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152	16(b)	518.947.206.625	560.536.071.430
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16(c)	112.928.717.852	128.454.104.279
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.243.653.802.132	5.391.266.415.234
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		1.930.311.709.256	214.837.184.200
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
1	Trả trước cho người bán dài hạn	212	6(b)	1.250.000.000.000	-
3	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
1	Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
2	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
3	Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	680.311.709.256	214.837.184.200
4	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II	Tài sản cố định	220		4.120.741.222.436	4.110.740.000.399
1	Tài sản cố định hữu hình	221	9	3.900.465.869.839	3.914.578.436.382
	- Nguyên giá	222		14.510.250.916.970	14.184.242.725.156
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(10.609.785.047.131)	(10.269.664.288.774)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	10	220.275.352.597	196.161.564.017
	- Nguyên giá	228		338.388.012.510	305.035.244.710
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(118.112.659.913)	(108.873.680.693)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý IV Niên độ 2024 - 2025

Từ 01-07-2025 đến 30-09-2025

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-

BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn vị: VNĐ

STT	TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ (30/09/2025)	Số đầu kỳ (01/10/2024)
III	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	- Nguyên giá	231		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		764.737.685.181	663.598.828.419
1	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	764.737.685.181	663.598.828.419
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7.400.000.000	1.000.000.000
1	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12(b)	-	-
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	254		-	-
5	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	12(a)	7.400.000.000	1.000.000.000
VI	Tài sản dài hạn khác	260		420.463.185.259	401.090.402.216
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	262.903.339.004	261.145.045.760
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	157.559.846.255	139.945.356.456
3	Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		270		18.949.537.426.157	19.565.620.935.157

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý IV Niên độ 2024 - 2025

Từ 01-07-2025 đến 30-09-2025

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn vị: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối kỳ (30/09/2025)	Số đầu kỳ (01/10/2024)
C	NỢ PHẢI TRẢ	300		7.614.415.050.988	8.648.683.879.620
I	Nợ ngắn hạn	310		7.598.266.235.772	8.632.413.967.195
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	2.049.570.380.553	2.328.013.444.688
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	221.837.016.079	198.890.754.513
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16(a)	123.561.165.024	106.354.354.489
4	Phải trả người lao động	314		99.024.590.118	94.523.557.443
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	505.808.905.290	351.221.219.526
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7	Phải trả ngắn hạn khác	319	19	172.544.037.824	153.938.114.587
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21(a)	4.403.865.722.131	5.364.084.453.144
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		22.054.418.753	35.388.068.805
II	Nợ dài hạn	330		16.148.815.216	16.269.912.425
1	Phải trả dài hạn khác	337		709.500.000	709.500.000
3	Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	15.439.315.216	15.560.412.425
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11.335.122.375.169	10.916.937.055.537
I	Vốn chủ sở hữu	410	22	11.335.122.375.169	10.916.937.055.537
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	23	6.209.823.090.000	6.159.823.090.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		6.209.823.090.000	6.159.823.090.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		157.292.539.068	157.292.539.068
3	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
4	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		42.474.414.880	50.993.213.769
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.909.527.128.941	4.532.690.018.176
	- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.178.013.766.824	4.058.199.282.997
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		731.513.362.117	474.490.735.179
6	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		16.005.202.280	16.138.194.524
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (400 = 300+400)		440		18.949.537.426.157	19.565.620.935.157

Ngày 30 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Vũ Văn Thanh



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Quý IV Năm độ 2024 - 2025

Từ 01-07-2025 đến 30-09-2025

Mẫu số B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-
BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn vị: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này 01/07/2025 - 30/09/2025	Kỳ trước 01/07/2024 - 30/09/2024	Lũy kế kỳ này 01/10/2024 - 30/09/2025	Lũy kế kỳ trước 01/10/2023 - 30/09/2024
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	8.496.510.589.448	10.223.342.839.464	37.320.690.884.017	39.882.804.917.399
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	139.892.636.582	114.638.372.003	782.875.805.850	610.911.178.951
3.	DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	25	8.356.617.952.866	10.108.704.467.461	36.537.815.078.167	39.271.893.738.448
4.	Giá vốn hàng bán	11	26	7.335.645.803.585	9.260.081.624.530	32.021.980.229.208	35.008.227.341.981
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.020.972.149.281	848.622.842.931	4.515.834.848.959	4.263.666.396.467
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	55.954.636.807	128.744.528.572	280.816.502.864	341.714.489.440
7.	Chi phí tài chính	22	28	68.397.817.307	97.789.592.668	272.277.658.507	254.496.678.142
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		47.058.761.250	39.610.103.824	185.092.843.322	133.022.415.113
8.	Chi phí bán hàng	25	29	733.973.465.060	908.893.468.251	3.110.563.936.803	3.344.662.264.465
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	183.308.017.944	148.967.545.769	665.031.742.947	495.608.090.352
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-25-26)	30		91.247.485.777	(178.283.235.185)	748.778.013.566	510.613.852.948
11.	Thu nhập khác	31	31	23.185.813.703	4.416.775.870	76.629.349.526	47.104.533.756
12.	Chi phí khác	32	32	3.241.824.331	2.067.646.317	5.317.436.255	6.515.129.358
13.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		19.943.989.372	2.349.129.553	71.311.913.271	40.589.404.398
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		111.191.475.149	(175.934.105.632)	820.089.926.837	551.203.257.346
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	31.458.410.835	14.457.973.187	106.197.756.980	83.641.785.140
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	(4.925.032.434)	(4.504.894.397)	(17.614.489.799)	(47.112.504.164)
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		84.658.096.748	(185.887.184.422)	731.506.659.656	514.673.976.370
18.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		84.697.300.165	(185.890.767.533)	731.513.362.117	514.634.808.368
19.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(39.203.417)	3.583.111	(6.702.461)	39.168.002

Người lập
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Ngọc Lan

Ngày 30 tháng 10 năm 2025



Vũ Văn Thanh

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Báo cáo tài chính hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý IV Niên độ 2024 - 2025
Từ 01-07-2025 đến 30-09-2025

Mẫu số B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-
BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	MS	TM	Lũy kế kỳ này 01/10/2024 - 30/09/2025	Lũy kế kỳ trước 01/10/2023 - 30/09/2024
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		820.089.926.837	551.203.257.346
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		904.059.486.507	989.752.858.560
Các khoản dự phòng	03		(166.638.625.868)	198.051.671.650
Lãi, lỗ CL.TG hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.342.000.327	4.955.330.327
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(52.751.134.867)	(19.468.779.383)
Chi phí lãi vay	06		185.092.843.322	133.022.415.113
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.693.194.496.258	1.857.516.753.613
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		726.215.040.898	(343.676.959.515)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.680.158.075.764	(2.282.677.491.213)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(111.410.187.536)	(294.528.831.844)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		12.816.208.419	48.890.358.337
Tiền lãi vay đã trả	14		(182.651.612.010)	(132.557.007.997)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(92.443.830.039)	(84.874.309.981)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(66.037.545.793)	(182.993.643.610)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.659.840.645.961	(1.414.901.132.210)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.597.615.297.280)	(770.512.877.910)
Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		60.269.185.976	48.923.665.386
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(86.185.344.328)	(6.480.499.218)
Tiền thu hồi từ khoản cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	24		29.244.719.386	2.020.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu từ chuyển nhượng công ty con	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.964.337.761	2.221.975.359
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.591.322.398.485)	(723.827.736.383)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Báo cáo tài chính hợp nhất****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ***(Theo phương pháp gián tiếp)***Quý IV Niên độ 2024 - 2025****Từ 01-07-2025 đến 30-09-2025****Mẫu số B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**Đơn vị: VND*

Chỉ tiêu	MS	TM	Lũy kế kỳ này 01/10/2024 - 30/09/2025	Lũy kế kỳ trước 01/10/2023 - 30/09/2024
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		27.890.000.000	22.110.000.000
Tiền thu từ nhận góp vốn vào công ty con từ cổ đông không kiểm soát	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		29.274.496.701.099	31.980.416.047.732
Tiền trả nợ gốc vay	34		(30.234.715.432.112)	(29.552.676.118.546)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(310.104.306.500)	(307.574.177.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.242.433.037.513)	2.142.275.751.386
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(173.914.790.037)	3.546.882.793
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		602.071.799.277	596.862.912.861
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(326.044.113)	1.662.003.623
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	4	427.830.965.127	602.071.799.277

Ngày 30 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu*(Ký, họ tên)***Nguyễn Thị Thanh Tuyền****Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Nguyễn Thị Ngọc Lan****Vũ Văn Thanh**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3700381324, cấp ngày 8 tháng 8 năm 2001

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3700381324 ngày 4 tháng 8 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đặt tại số 9, đại lộ Thống Nhất, Khu công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “HSG” theo Quyết định Niêm yết số 117/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”).

Cơ cấu vốn điều lệ

Vốn điều lệ	6.209.823.090.000 VND
Số lượng cổ phiếu	620.982.309 cổ phiếu

(b) Hoạt động chính

Mục tiêu và phạm vi hoạt động kinh doanh Tập đoàn là :

- Sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác
- Sản xuất xà gỗ thép, xà gỗ mạ kẽm
- Sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác
- Sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại
- Sản xuất tấm trần PVC
- Sản xuất các loại vật liệu xây dựng
- Mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng
- Dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng
- Sản xuất thép cán nguội dạng cuộn
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

(d) Cấu trúc Tập Đoàn

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, Tập Đoàn có 9 công ty con và 2 công ty liên kết

Danh sách công ty con:

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ quyền sở hữu/ quyền biểu quyết	
		30/09/2025	01/10/2024
Công ty con			
* Công ty TNHH Một thành viên Hoa Sen Nghệ An	Sản xuất và kinh doanh tấm lợp bằng kim loại và các sản phẩm ống thép.	100%	100%
* Công ty TNHH Một thành viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tấm lợp kim loại.	100%	100%
* Công ty TNHH Một thành viên Tôn Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội.	100%	100%
* Công ty TNHH Một thành viên Hoa Sen Phú Mỹ	Sản xuất các sản phẩm thép dùng cho vật liệu xây dựng và tiêu dùng.	100%	100%
* Công ty TNHH Một thành viên Hoa Sen Hà Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép.	100%	100%
* Công ty Cổ phần Nhựa Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa.	99,95%	99,95%
* Công ty TNHH Một thành viên Hoa Sen Bình Định	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép.	100%	100%
* Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ ăn uống và khu trung tâm thương mại.	97,26%	97,26%
* Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép.	100%	100%
Công ty liên kết			
* Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải.	49%	49%
* Công ty Cổ phần Hoa Sen Sài Gòn	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	40%	40%

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, Tập đoàn có 7.932 nhân viên

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập Đoàn từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 9 năm sau.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

* nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
* máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
* phương tiện vận chuyển	2 – 10 năm
* thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
* tài sản khác	3 – 8 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng là từ 14 đến 55 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 6 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bảng hiệu quảng cáo

Bảng hiệu quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí thuê

Chi phí thuê bao gồm tiền thuê kho trả trước cho việc sử dụng kho trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Chi phí thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian trả trước theo hợp đồng thuê từ 2 đến 3 năm.

(iv) Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phản ánh chi phí sửa chữa và thay thế máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không thỏa mãn điều kiện vốn hóa vào giá trị tài sản cố định. Chi phí sửa chữa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Tập đoàn từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

(iii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu giảm giá trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định hợp nhất biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các Tập đoàn hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)***4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2025 VND	01/10/2024 VND
Tiền mặt	10.925.754.116	16.558.134.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	398.363.468.394	580.478.637.010
Tiền đang chuyển	930.592.187	400.000.000
Các khoản tương đương tiền	17.611.150.430	4.635.027.767
	427.830.965.127	602.071.799.277

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi.

5. Phải thu khách hàng

	30/09/2025 VND	01/10/2024 VND
Các bên khác	1.603.410.311.169	2.272.400.526.277
Các bên liên quan	7.700.000	-
	1.603.418.011.169	2.272.400.526.277

Phải thu khách hàng là bên liên quan chi tiết:

	30/09/2025 VND	01/10/2024 VND
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty</i>		
Công ty TNHH Dash	7.700.000	-
	7.700.000	-

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả là 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

6. Trả trước cho người bán**(a) Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/09/2025 VND	01/10/2024 VND
Các bên khác	509.359.793.355	176.072.378.471
Các bên liên quan	-	450.000.000.000
	509.359.793.355	626.072.378.471

Trả trước cho người bán ngắn hạn là bên liên quan chi tiết:

	30/09/2025 VND	01/10/2024 VND
<i>Bên liên quan khác</i>		
Bà Lê Thị Lệ Hoa	-	450.000.000.000
	-	450.000.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

(b) Trả trước cho người bán dài hạn*Bên liên quan khác*

Bà Lê Thị Lệ Hoa

30/09/2025

VND

01/10/2024

VND

1.250.000.000.000

-

1.250.000.000.000

-

7. Phải thu khác**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

Tạm ứng cho người lao động

Đặt cọc thuê mặt bằng

Bồi thường giải phóng mặt bằng tại Yên Bái

Ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Tài sản thiếu chờ xử lý

Các khoản phải thu khác

30/09/2025

VND

01/10/2024

VND

34.564.566.624

29.772.893.989

26.164.232.499

24.888.490.000

-

20.000.000.000

406.731.378

2.860.290.001

47.164.328

34.005.840

15.632.023.430

9.941.103.027

76.814.718.259

87.496.782.857

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan chi tiết:

Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty

Công ty TNHH Tập Đoàn Đầu Tư Hoa Sen

1.284.700.000

770.000.000

1.284.700.000

770.000.000

Các khoản phải thu phi thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

Đặt cọc thuê mặt bằng

Tạm ứng để mua đất

Phải thu về bồi thường giải phóng mặt bằng tại Hà Nam

Phải thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Các khoản khác

30/09/2025

VND

01/10/2024

VND

84.527.880.000

91.484.245.800

533.227.818.006

58.438.165.400

34.085.236.250

36.943.998.000

12.818.775.000

12.818.775.000

15.652.000.000

15.152.000.000

680.311.709.256

214.837.184.200

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)***(b) Phải thu dài hạn khác (tiếp theo)**

	30/09/2025 VND	01/10/2024 VND
Phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan chi tiết:		
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty</i>		
Công Ty TNHH Tập đoàn Đầu Tư Hoa Sen	2.270.500.000	3.555.200.000
<i>Nhân sự chủ chốt</i>		
Ông Hoàng Đức Huy - Phó Tổng Giám đốc	-	45.462.225.000
Các khoản phải thu phi thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.		

8. Hàng tồn kho

	30/09/2025 VND	01/10/2024 VND
Hàng mua đang đi trên đường	558.760.942.960	942.722.610.814
Nguyên liệu, vật liệu	2.470.164.705.814	4.459.710.785.556
Công cụ, dụng cụ	502.004.055.946	502.241.747.192
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	133.286.312	110.419.404
Thành phẩm	3.370.432.509.581	2.958.375.031.111
Hàng hóa	1.447.068.538.609	1.165.561.520.909
	8.348.564.039.222	10.028.722.114.986
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(149.803.277.250)	(316.305.014.560)
Giá trị thuần	8.198.760.761.972	9.712.417.100.426

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Số dư đầu kỳ (01/10/2024)

Mua trong kỳ

Chuyển từ đầu tư xây dựng cơ bản dở dang

Phân loại từ TSCĐ vô hình

Tặng khác

Thanh lý, nhượng bán

Xóa sổ

Giảm khác

Số dư cuối kỳ (30/09/2025)

Khấu hao

Số dư đầu kỳ (01/10/2024)

Khấu hao trong kỳ

Phân loại từ TSCĐ vô hình

Tặng khác

Thanh lý, nhượng bán

Xóa sổ

Giảm khác

Số dư cuối kỳ (30/09/2025)

Giá trị còn lại

Số dư đầu kỳ

Số dư cuối kỳ

Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
VND	VND	VND	VND	VND	VND
2.936.140.943.156	10.578.995.329.276	527.540.969.470	101.182.540.089	40.382.943.165	14.184.242.725.156
44.062.183.692	99.891.498.314	39.067.976.242	2.961.770.886	6.548.839.680	192.532.268.814
245.384.640.859	426.723.019.172	22.398.029.718	240.342.831	2.604.256.710	697.350.289.290
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
4.508.443.457	526.764.167.966	26.777.042.315	1.046.901.979	427.272.727	559.523.828.444
2.293.174.528	1.559.904.786	-	380.664.000	-	4.233.743.314
70.044.532	46.750.000	-	-	-	116.794.532
3.218.716.105.190	10.577.239.024.010	562.229.933.115	102.957.087.827	49.108.766.828	14.510.250.916.970
1.294.821.054.184	8.413.738.740.451	442.992.794.458	88.405.989.693	29.705.709.988	10.269.664.288.774
185.887.483.465	672.166.811.488	27.842.503.077	5.439.638.833	3.051.729.343	894.388.166.206
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
2.866.856.477	522.935.723.261	23.102.114.955	1.046.901.979	482.549.264	550.434.145.936
1.892.693.127	1.559.904.786	-	380.664.000	-	3.833.261.913
-	-	-	-	-	-
1.475.948.988.045	8.561.409.923.892	447.733.182.580	92.418.062.547	32.274.890.067	10.609.785.047.131
1.641.319.888.972	2.165.256.588.825	84.548.175.012	12.776.550.396	10.677.233.177	3.914.578.436.382
1.742.767.117.145	2.015.829.100.118	114.496.750.535	10.539.025.280	16.833.876.761	3.900.465.869.839

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ (01/10/2024)	234.582.707.708	70.452.537.002	305.035.244.710
Tăng mới	31.997.630.000	1.063.048.200	33.060.678.200
Tăng từ xây dựng cơ bản dở dang	-	292.089.600	292.089.600
Phân loại sang TSCĐ hữu hình	-	-	-
Số dư cuối kỳ (30/09/2025)	266.580.337.708	71.807.674.802	338.388.012.510
Khấu hao			
Số dư đầu kỳ (01/10/2024)	54.847.226.413	54.026.454.280	108.873.680.693
Khấu hao trong kỳ	4.416.576.136	4.822.403.084	9.238.979.220
Phân loại sang TSCĐ hữu hình	-	-	-
Số dư cuối kỳ (30/09/2025)	59.263.802.549	58.848.857.364	118.112.659.913
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	179.735.481.295	16.426.082.722	196.161.564.017
Số dư cuối kỳ	207.316.535.159	12.958.817.438	220.275.352.597

11. Xây dựng cơ bản dở dang

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/09/2025 VND	01/10/2024 VND
Máy móc, thiết bị chờ lắp đặt	85.682.539.184	63.061.367.294
Chi phí xây dựng và nâng cấp dự án Hoa Sen Home	48.795.377.721	4.536.441.124
Dự án Khách sạn Yên Bái	430.359.363.775	389.403.528.626
Dự án Hoa Sen Hà Nam	39.838.414.913	37.967.880.631
Dự án Hoa Sen Phú Mỹ	161.380.056	88.841.901.839
Dự án Hoa Sen Bình Định	79.190.154.584	49.145.775.188
Sửa chữa lớn tài sản cố định	29.536.309.504	7.667.195.184
Xây dựng tại Công ty con	35.205.663.530	22.974.738.533
Các công trình khác	15.968.481.914	-
	764.737.685.181	663.598.828.419

12. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn

	30/09/2025 VND	01/10/2024 VND
Tiền gửi có kỳ hạn	81.176.635.011	30.636.010.069
	81.176.635.011	30.636.010.069

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và dưới 12 tháng kể từ ngày cuối kỳ

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn

Trái phiếu

Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam,
Chi nhánh Sài Gòn (*)

Tiền gửi có kỳ hạn

30/09/2025

VND

01/10/2024

VND

-

1.000.000.000

7.400.000.000

7.400.000.000

1.000.000.000

(*) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 7 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng (Agribank, Vietcombank, Vietinbank và BIDV) cộng biên độ hàng năm là 1,2%. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, khoản trái phiếu này đã được tất toán.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen (*)

Công ty Cổ phần Hoa Sen Sài Gòn (**)

30/09/2025

VND

01/10/2024

VND

-

-

-

-

(*) Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 3502399898 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 5 tháng 7 năm 2019, trong đó Công ty nắm giữ 49% quyền sở hữu. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen.

(**) Công ty Cổ phần Hoa Sen Sài Gòn được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0318310211 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 2 năm 2024, trong đó Công ty nắm giữ 40% quyền sở hữu. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Công ty Cổ phần Hoa Sen Sài Gòn.

13. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí thuê nhà xưởng, MMTB

Chi phí công cụ, dụng cụ

Chi phí quảng cáo

Chi phí sửa chữa

Chi phí bảo hiểm

Chi phí tư vấn

Khác

30/09/2025

VND

01/10/2024

VND

64.902.488.274

60.239.652.472

53.171.625.224

36.345.390.198

18.819.973.131

26.800.138.075

8.044.578.698

8.174.198.936

7.179.245.465

7.223.238.483

7.419.999.524

2.118.155.567

17.666.283.266

13.942.143.382

177.204.193.582

154.842.917.113

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

13. Chi phí trả trước (tiếp theo)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	30/09/2025 VND	01/10/2024 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	82.797.608.800	73.707.927.750
Chi phí san lấp mặt bằng	74.653.629.831	76.489.373.121
Chi phí thuê nhà xưởng, MMTB	43.136.294.408	44.326.573.507
Chi phí sửa chữa	39.967.758.711	36.732.986.153
Chi phí làm bằng hiệu	3.855.784.450	13.254.815.891
Khác	18.492.262.804	16.633.369.338
	262.903.339.004	261.145.045.760

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/09/2025 VND	01/10/2024 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận đối với:</i>		
Lợi nhuận chưa thực hiện	41.846.399.288	34.179.987.085
Chi phí trích trước	91.826.734.928	67.016.921.237
Các khoản dự phòng	23.895.301.322	38.145.835.930
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(8.589.283)	602.612.204
	157.559.846.255	139.945.356.456

15. Phải trả người bán

	30/09/2025 VND	01/10/2024 VND
Các bên khác	2.042.203.730.413	2.318.971.550.000
Các bên liên quan	7.366.650.140	9.041.894.688
	2.049.570.380.553	2.328.013.444.688

Phải trả người bán là bên liên quan chi tiết:

Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty

Công ty TNHH Tập Đoàn Đầu Tư Hoa Sen

3.536.753.111

5.388.232.064

Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hoa Sen Nghệ An

2.755.061.319

3.653.662.624

Công ty TNHH Dash

1.074.835.710

7.366.650.140

9.041.894.688

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 45 ngày đối với các khoản phải trả công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

16. Thuế

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ 01/10/2024	Số phát sinh tăng	Số đã thực nộp trong kỳ	Số đã cần trừ	Phân loại lại	Cuối kỳ 30/09/2025
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	58.127.130.525	819.445.785.246	782.421.738.448	-	-	95.151.177.323
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	31.172.301.831	5.018.014.817.874	260.151.133.224	4.776.167.624.485	-	12.868.361.996
Thuế xuất, nhập khẩu	38.256.269	18.020.064.062	18.027.579.347	-	-	30.740.984
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.532.163.678	106.197.756.980	92.443.830.039	-	15.470.144.347	11.815.946.272
Thuế thu nhập cá nhân	3.464.458.531	62.298.409.968	61.280.455.837	986.185.115	55.242.080	3.440.985.467
Các loại thuế khác	20.043.655	15.927.268.986	15.693.359.659	-	-	253.952.982
	106.354.354.489	6.039.904.103.116	1.230.018.096.554	4.777.153.809.600	15.525.386.427	123.561.165.024

(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	Đầu kỳ 01/10/2024	Số phát sinh	Số đã cần trừ	Số được hoàn	Cuối kỳ 30/09/2025
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	560.536.071.430	9.154.319.214.091	8.237.408.078.896	958.500.000.000	518.947.206.625

(c) Thuế phải thu Nhà nước

	Đầu kỳ 01/10/2024	Số phát sinh tăng	Phân loại lại	Cuối kỳ 30/09/2025
Thuế thu nhập doanh nghiệp	128.398.679.248	-	15.470.144.347	112.928.534.901
Thuế thu nhập cá nhân	55.425.031	-	55.242.080	182.951
Các khoản thuế phải thu khác	-	-	-	-
	128.454.104.279	-	15.525.386.427	112.928.717.852

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**17. Người mua trả tiền trước**

	30/09/2025 VND	01/10/2024 VND
Các bên khác	190.231.445.229	183.343.510.186
Các bên liên quan	31.605.570.850	15.547.244.327
	<u>221.837.016.079</u>	<u>198.890.754.513</u>

Người mua trả tiền trước là bên liên quan chi tiết:

	30/09/2025 VND	01/10/2024 VND
Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty		
Công ty TNHH Tập Đoàn Đầu Tư Hoa Sen	31.605.570.850	15.547.244.327
	<u>31.605.570.850</u>	<u>15.547.244.327</u>

18. Chi phí phải trả

	30/09/2025 VND	01/10/2024 VND
Chi phí lương và thưởng	197.573.046.828	79.451.673.446
Chi phí điện	19.360.372.237	13.324.591.438
Chi phí vận chuyển	20.903.546.014	75.477.811.588
Xây dựng Cơ bản	10.859.553.011	3.107.591.754
Chi phí lãi vay	4.823.041.189	2.381.809.877
Chi phí hỗ trợ bán hàng	1.289.927.140	4.550.496.624
Chứng thư bảo lãnh	7.465.229.643	5.357.610.161
Trích trước chiết khấu thương mại	202.455.471.102	136.181.782.296
Chi phí khuyến mãi	1.808.000.000	2.286.612.513
Chi phí thuê đất	22.514.895.548	20.239.199.753
Chi phí khác	16.755.822.578	8.862.040.076
	<u>505.808.905.290</u>	<u>351.221.219.526</u>

19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/09/2025 VND	01/10/2024 VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	24.908.482.827	18.836.602.528
Cổ tức phải trả	4.344.840.677	3.957.992.677
Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu phải trả	133.119.362.319	101.285.719.447
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.348.647.556	6.371.716.360
BIIXH, BHYT, BHTN và KPCĐ	1.822.704.445	1.376.083.575
Tiền nhận từ việc phát hành cổ phiếu có chọn lựa cho người lao động	-	22.110.000.000
	<u>172.544.037.824</u>	<u>153.938.114.587</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**19. Phải trả ngắn hạn khác (Tiếp theo)**

	30/09/2025 VND	01/10/2024 VND
Phải trả khác cho bên liên quan		
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty</i>		
Công Ty TNHH Tập đoàn Dầu Tư Hoa Sen	12.080.000.000	-

20. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc.

	30/09/2025 VND	01/10/2024 VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	15.439.315.216	15.560.412.425
	<u>15.439.315.216</u>	<u>15.560.412.425</u>

21. Vay và nợ thuê tài chính

	30/09/2025 VND	01/10/2024 VND
(a) Vay ngắn hạn		
<i>Vay ngắn hạn từ ngân hàng</i>		
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi Nhánh Nam Bình Dương	1.310.606.061.142	2.647.446.645.284
NH TMCP Công Thương VN - CN Đồng TP Hồ Chí Minh	1.357.236.353.883	2.271.483.187.659
Ngân Hàng TMCP Phát Triển TP Hồ Chí Minh	198.543.417.233	-
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam, Chi Nhánh Sở Giao Dịch 2	790.963.003.699	323.755.954.476
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	-	53.369.294.000
Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên United Overseas Bank (Việt Nam)	536.622.767.537	53.000.000.000
Ngân Hàng Đại Chúng TNHH Kasikornbank - Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	-	15.029.371.725
Ngân Hàng TMCP Á Châu, CN Tân Thuận	209.894.118.637	-
	<u>4.403.865.722.131</u>	<u>5.364.084.453.144</u>

Tình hình tăng giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính trong kỳ như sau

	Số tiền
Vào ngày 01 tháng 10 năm 2024	5.364.084.453.144
Tiền thu từ đi vay	29.274.496.701.099
Tiền chi trả nợ gốc vay	30.234.715.432.112
Chênh lệch tỷ giá	
Vào ngày 30 tháng 09 năm 2025	<u>4.403.865.722.131</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước (01/10/2023)	6.159.823.090.000	157.292.539.068	77.910.496.944	4.369.041.219.887	16.099.026.522	10.780.166.372.421
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	514.634.808.368	39.168.002	514.673.976.370
Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	24.891.758.493	24.891.758.493	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	18.103.097.086	-	18.103.097.086
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn CSH	-	-	51.809.041.668	-	-	51.809.041.668
Chi cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	307.991.154.500	-	307.991.154.500
Chi trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước (30/09/2024)	6.159.823.090.000	157.292.539.068	50.993.213.769	4.532.690.018.176	16.138.194.524	10.916.937.055.537
Số dư đầu kỳ này (01/10/2024)	6.159.823.090.000	157.292.539.068	50.993.213.769	4.532.690.018.176	16.138.194.524	10.916.937.055.537
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	731.513.362.117	(6.702.461)	731.506.659.656
Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	25.580.845.546	25.580.845.546	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	18.604.251.306	-	18.604.251.306
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn CSH	-	-	34.099.644.435	-	-	34.099.644.435
Chi cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
Chi cổ tức bằng tiền	-	-	-	310.491.154.500	126.289.783	310.617.444.283
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)	50.000.000.000	-	-	-	-	50.000.000.000
Số dư cuối kỳ này (30/09/2025)	6.209.823.090.000	157.292.539.068	42.474.414.880	4.909.527.128.941	16.005.202.280	11.335.122.375.169

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)***23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/09/2025		01/10/2024	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyet và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	620.982.309	6.209.823.090.000	615.982.309	6.159.823.090.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông		-		-
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	620.982.309	6.209.823.090.000	615.982.309	6.159.823.090.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại

Biến động của vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	30/09/2025		01/10/2024	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	615.982.309	6.159.823.090.000	615.982.309	6.159.823.090.000
Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)	5.000.000	50.000.000.000	-	-
Số dư cuối kỳ	620.982.309	6.209.823.090.000	615.982.309	6.159.823.090.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	30/09/2025		01/10/2024	
	Ngoại tệ	Tương đương VND	Ngoại tệ	Tương đương VND
USD	6.683.164	175.002.819.370	6.905.824	168.545.291.854
		<u>175.002.819.370</u>		<u>168.545.291.854</u>

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ này 01/07/2025 - 30/09/2025 VND	Kỳ trước 01/07/2024 - 30/09/2024 VND
Tổng doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	4.268.651.354.939	4.805.403.601.080
Doanh thu bán hàng hóa	4.224.227.240.021	5.414.583.381.357
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.342.395.451	2.302.260.495
Doanh thu khác	1.289.599.037	1.053.596.532
	<u>8.496.510.589.448</u>	<u>10.223.342.839.464</u>
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	132.523.952.805	102.813.309.606
Hàng bán bị trả lại	5.636.624.036	7.202.123.149
Giảm giá hàng bán	1.732.059.741	4.622.939.248
	<u>139.892.636.582</u>	<u>114.638.372.003</u>
Doanh thu thuần	<u>8.356.617.952.866</u>	<u>10.108.704.467.461</u>

26. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này 01/07/2025 - 30/09/2025 VND	Kỳ trước 01/07/2024 - 30/09/2024 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
Giá vốn thành phẩm đã bán	3.709.358.329.453	4.408.195.944.489
Giá vốn hàng hóa đã bán	3.646.478.560.674	4.721.576.656.648
Giá vốn khác	787.819.393	8.228.069.697
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(20.978.905.935)	122.080.953.696
	<u>7.335.645.803.585</u>	<u>9.260.081.624.530</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)***27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này 01/07/2025 - 30/09/2025 VND	Kỳ trước 01/07/2024 - 30/09/2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	673.541.795	150.089.080
Lãi chênh lệch tỷ giá	54.181.351.206	128.185.467.110
Lãi chậm thanh toán	431.005.890	397.358.149
Doanh thu tài chính khác	668.737.916	11.614.233
	55.954.636.807	128.744.528.572

28. Chi phí tài chính

	Kỳ này 01/07/2025 - 30/09/2025 VND	Kỳ trước 01/07/2024 - 30/09/2024 VND
Lãi vay	47.058.761.250	39.610.103.824
Lỗ chênh lệch tỷ giá	17.959.224.929	51.788.136.614
Lỗ chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	3.342.000.327	4.871.323.327
Chi phí tài chính khác	37.830.801	1.520.028.903
	68.397.817.307	97.789.592.668

29. Chi phí bán hàng

	Kỳ này 01/07/2025 - 30/09/2025 VND	Kỳ trước 01/07/2024 - 30/09/2024 VND
Chi phí nhân viên	259.037.869.376	208.452.929.555
Chi phí xuất khẩu	163.778.431.864	393.561.750.797
Chi phí thuê	50.206.947.333	54.135.613.741
Khấu hao và phân bổ	41.469.604.161	36.033.955.548
Chi phí quảng cáo	30.046.219.307	37.666.072.953
Chi phí vận chuyển	81.734.143.972	72.535.661.273
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.124.646.238	17.160.551.820
Chi phí hỗ trợ bán hàng	2.458.597.221	2.251.182.037
Chi phí khác	83.117.005.588	87.095.750.527
	733.973.465.060	908.893.468.251

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)***30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này 01/07/2025 - 30/09/2025 VND	Kỳ trước 01/07/2024 - 30/09/2024 VND
Chi phí nhân viên	75.196.780.456	62.844.055.199
Khấu hao và phân bổ	12.005.491.325	3.855.638.627
Chi phí thuê	5.332.068.804	7.525.424.666
Chi phí dịch vụ chuyên môn	13.212.760.691	9.421.534.200
Chi phí tiếp khách	6.607.602.069	3.379.494.313
Chi phí công tác	7.454.414.143	5.402.682.116
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.957.126.686	23.360.705.930
Chi phí khác	38.541.773.770	33.178.010.718
	183.308.017.944	148.967.545.769

31. Thu nhập khác

	Kỳ này 01/07/2025 - 30/09/2025 VND	Kỳ trước 01/07/2024 - 30/09/2024 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	10.291.035.044	575.689.705
Thu bồi thường	9.137.242.736	564.351.624
Các khoản khác	3.757.535.923	3.276.734.541
	23.185.813.703	4.416.775.870

32. Chi phí khác

	Kỳ này 01/07/2025 - 30/09/2025 VND	Kỳ trước 01/07/2024 - 30/09/2024 VND
Chi phí từ thiện	1.380.000.000	1.420.000.000
Các khoản khác	1.861.824.331	647.646.317
	3.241.824.331	2.067.646.317

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ này 01/07/2025 - 30/09/2025 VND	Kỳ trước 01/07/2024 - 30/09/2024 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	30.452.577.301	14.457.973.187
Dự phòng thiếu/ (thừa) những năm trước	1.005.833.534	-
	31.458.410.835	14.457.973.187
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Trích lập các khoản chênh lệch tạm thời	(4.925.032.434)	(4.504.894.397)
	26.533.378.401	9.953.078.790

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản của Luật Thuế Thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất từ 10% đến 20% trên lợi nhuận tính thuế. Cụ thể như sau:

* Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 15 năm kể từ khi công ty này phát sinh doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2016 – 2019) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo (2020 – 2028).

* Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 15 năm kể từ khi công ty này phát sinh doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2019 – 2022) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo (2023 – 2031).

* Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 17% lợi nhuận tính thuế trong 10 năm kể từ năm 2016 và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2019 – 2020) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (2021 – 2024).

* Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 17% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 10 năm kể từ năm đầu tiên dự án đầu tư của công ty có doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2020 – 2021) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (2022 – 2025).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

(b) Thuế suất áp dụng (tiếp theo)

* Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 17% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 10 năm kể từ năm đầu tiên dự án đầu tư của công ty có doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2020 – 2021) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (2022 – 2025).

* Các công ty con khác có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này 01/07/2025 - 30/09/2025	Kỳ trước 01/07/2024 - 30/09/2024
(i) Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công Ty TNHH Tập đoàn Đầu Tư Hoa Sen	1.295.927.513.494	1.087.489.626.006
Công ty TNHH MTV Dầu Từ Hoa Sen Nghệ An	54.000.000	54.000.000
Công ty TNHH Dash	21.000.000	-
	<u>1.296.002.513.494</u>	<u>1.087.543.626.006</u>
(ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công Ty TNHH Tập đoàn Đầu Tư Hoa Sen	11.050.338.548	15.248.537.780
Công ty TNHH MTV Dầu Từ Hoa Sen Nghệ An	11.382.150.824	12.996.620.308
Công ty TNHH Dash	1.674.438.250	-
	<u>24.106.927.622</u>	<u>28.245.158.088</u>
(iii) Bán tài sản cố định, công cụ dụng cụ		
Công Ty TNHH Tập đoàn Đầu Tư Hoa Sen	-	154.000.000
(iv) Lãi thu từ khách hàng chậm thanh toán		
Công Ty TNHH Tập đoàn Đầu Tư Hoa Sen	<u>38.457.593</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

(v) Các khoản chi các nhân sự quản lý chủ chốt		Kỳ này 01/07/2025 - 30/09/2025	Kỳ trước 01/07/2024 - 30/09/2024
Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán			
Ông Lê Phước Vũ	Chủ tịch	90.000.000	90.000.000
Ông Trần Ngọc Chu	Phó chủ tịch	75.000.000	75.000.000
Ông Trần Quốc Trí	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Văn Luân	Thành viên	90.000.000	90.000.000
Ông Lý Văn Xuân	Thành viên	75.000.000	75.000.000
Ông Đinh Viết Duy	Thành viên	75.000.000	75.000.000
Ban Tổng Giám đốc			
Vũ Văn Thanh - Tổng Giám đốc		534.463.900	498.293.900
Các thành viên khác		4.764.380.314	4.321.673.243
Tổng cộng		5.763.844.214	5.284.967.143

35. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 10 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 đã kiểm toán.

Thông tin so sánh cùng kỳ Quý IV kết thúc 30 tháng 09 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Quý IV Niên độ 2023-2024 và báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Ngọc Lan

Ngày 30 tháng 10 năm 2025

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Vũ Văn Thanh